TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 44/2019/DS-ST Ngày: 24-9-2019 *V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Phan Văn Tạo.

2/. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-DS ngày 12/4/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-DS ngày 08/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, Giám đốc Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng; địa chỉ nơi làm việc: Số SK đường N, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 03/9/2019 - có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Bà Nguyễn Thị Mai T, địa chỉ: Số BB đường P, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thanh H, địa chỉ: Số BB đường P, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây viết là Ngân hàng) và lời trình bày của ông Trần Văn T tại phiên toà thì:

Bà Nguyễn Thị Mai T có vay của Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng số tiền tổng cộng 400.000.000 đồng theo 02 hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 442/2015/4932209/HĐTD ngày 24/9/2015 (sau đây viết là Hợp đồng tín dụng số 442): Vay 300.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng để sửa nhà ở; lãi suất 9,5%/năm cố định trong 36 tháng đầu tiên, hết thời gian này áp dụng lãi suất theo quy định của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả cuối cùng là ngày 24/9/2020, khoản vay quá hạn trả gốc theo phân lần từ ngày 25/6/2018.

+ Hợp đồng tín dụng số 345/2017/4932209/HĐTD ngày 14/7/2017 (sau đây viết là Hợp đồng tín dụng số 345): Vay 100.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng để tiêu dùng, lãi suất 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả cuối cùng là ngày 14/7/2022, khoản vay quá hạn trả gốc theo phân lần từ ngày 24/4/2018.

Tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2015/4932209/2015 ngày 23/09/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 157/2017/4932209/HĐSĐBS ngày 13/7/2017 là thửa đất số BB, tờ bản đồ số MB, diện tích 31,4m^2, loại đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 31,4 m^2, diện tích sàn 72,4 m^2 tọa lạc tại số BB đường P, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE HCCCMB (số vào sổ CHKMBCT) ngày 03/11/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Quách Thiện D, bà Nguyễn Phương T; đến tháng 6/2012 đã chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H.

Sau khi vay, bà T chỉ trả được 50.000.000 đồng gốc, 66.932.778 đồng lãi trong hạn, 3.959 đồng lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 442 và 10.000.000 đồng gốc, 6.253.151 đồng lãi trong hạn, 13.151 đồng lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 345; còn nợ tổng cộng là 400.134.920 đồng, gồm 340.000.000 đồng gốc, 42.193.658 đồng lãi trong hạn, 17.941.262 đồng lãi quá hạn, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 442: Nợ 250.000.000 đồng gốc, 40.681.770 đồng lãi, gồm 27.067.083 đồng lãi trong hạn, 13.614.687 đồng lãi quá hạn.

+ Hợp đồng tín dụng số 345: Nợ 90.000.000 đồng gốc, 19.453.150 đồng lãi, gồm 15.126.575 đồng lãi trong hạn, 4.326.575 đồng lãi quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H trả số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận cho đến

khi trả hết nợ. Trường hợp bà T, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy đề nghị vay vốn ngày 24/9/2015; Phương án vay vốn sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ trang trí nội thất và kế hoạch trả nợ vay ngày 24/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 442; Bảng kê rút vốn/hợp đồng tín dụng cụ thể số 442/2015/4932209/HĐTD ngày 24/9/2015; Biên bản định giá tài sản ngày 23/9/2015; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2015/4932209/2015 ngày 23/9/2015; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/9/2015; Giấy đề nghị vay vốn ngày 24/9/2015; Phương án vay vốn tiêu dùng ngày 14/7/2017; Hợp đồng tín dụng số 345; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 157/2017/4932209/HĐSĐBS ngày 13/7/2017; Biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE HCCCMB (số vào sổ CHKMBCT) do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03/11/2011; Văn bản số 068/TB-P.GDTPST về điều chỉnh lãi suất cho vay ngày 10/9/2018.

- Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ: Xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Các bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hai Hợp đồng tín dụng số 442, 345 và các bị đơn cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2019, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của các bị đơn theo hai Hợp đồng tín dụng số 442, 345 là số BB đường P, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ này, nhưng các bị đơn không thông báo cho nguyên

đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Do các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Mai T có vay của Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng theo hai hợp đồng sau:

[4.1.1] Hợp đồng tín dụng số 442: Vay 300.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng để sửa nhà ở; lãi suất 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc 03 tháng trả 01 lần, trả trong 20 lần vào ngày 24 (10 lần đầu mỗi lần trả 5.000.000 đồng, 10 lần cuối mỗi lần trả 25.000.000 đồng), trả lần đầu ngày 24/12/2015, trả lần cuối ngày 24/9/2020; nợ lãi trả cùng ngày với kỳ hạn trả nợ gốc.

[4.1.2] Hợp đồng tín dụng số 345: Vay 100.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng để tiêu dùng, lãi suất 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc định kỳ 03 tháng trả 5.000.000 đồng, trả vào ngày 24, riêng kỳ cuối trả chậm nhất ngày 14/7/2022; nợ lãi trả cùng ngày với kỳ hạn trả nợ gốc.

[4.2] Tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2015/4932209/2015 ngày 23/09/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 157/2017/4932209/HĐSĐBS ngày 13/7/2017 được ký giữa bà T, ông Nguyễn Thanh H và Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng là thửa đất số BB, tờ bản đồ số MB, diện tích 31,4m^2, loại đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 31,4 m^2, diện tích sàn 72,4 m^2 tọa lạc tại số BB đường P, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE HCCCMB (số vào sổ CHKMBCT) ngày 03/11/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Quách Thiện D, bà Nguyễn Phương T; đến tháng 6/2012 đã chuyển nhượng lại cho bà T, ông H.

[4.3] Quá trình thực hiện, bà T đã trả được 50.000.000 đồng gốc, 66.932.778 đồng lãi trong hạn, 3.959 đồng lãi quá hạn; còn nợ 250.000.000 đồng gốc, 40.681.770 đồng lãi (gồm 27.067.083 đồng lãi trong hạn, 13.614.687 đồng lãi quá hạn); quá hạn trả gốc theo phân kỳ từ ngày 25/6/2018 của Hợp đồng tín dụng số 442; Trả 10.000.000 đồng gốc, 6.253.151 đồng lãi trong hạn,

13.151 đồng lãi quá hạn; còn nợ 90.000.000 đồng gốc, 19.453.150 đồng lãi (gồm 15.126.575 đồng lãi trong hạn, 4.326.575 đồng lãi quá hạn); quá hạn trả gốc theo phân kỳ từ ngày 24/4/2018 của Hợp đồng tín dụng số 345. Tổng cộng bà T còn nợ 400.134.920 đồng, gồm 340.000.000 đồng gốc, 42.193.658 đồng lãi trong hạn, 17.941.262 đồng lãi quá hạn.

[5] Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo phân kỳ thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 442, Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 345 và Điều 9 của Điều khoản và điều kiện vay kèm các hợp đồng tín dụng này nên việc Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền vốn lãi còn nợ nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung); Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/201 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Các Hợp đồng tín dụng số 442, 345 và Bảng kê rút vốn/hợp đồng tín dụng cụ thể số 442/2015/4932209/HĐTD ngày 24/9/2015 chỉ thể hiện bà T là bên vay và nhận tiền vay của Phòng Giao dịch thành phố Sóc Trăng - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Sóc Trăng, nhưng các Giấy đề nghị vay vốn ngày 24/9/2015 và 14/7/2017, Phương án vay vốn sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ trang trí nội thất và kế hoạch trả nợ vay ngày 24/9/2015, Phương án vay vốn tiêu dùng ngày 14/7/2017 đều được ông H ký tên với tư cách chồng bà T và người đồng trả nợ, người vay với bà T. Đồng thời, tại điểm b Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 442 và điểm c Điều 10 Hợp đồng tín dụng số 345, bà T và phía Ngân hàng thỏa thuận văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng này là bộ phận của hợp đồng nên đủ cơ sở xác định các khoản nợ phát sinh từ 02 hợp đồng tín dụng này là nợ chung ông H, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2015/4932209/2015 ngày 23/9/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 157/2017/4932209/HĐSĐBS ngày 13/7/2017, thấy rằng các hợp đồng này được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; tại thời điểm ký kết thì giá trị tài sản thế chấp lớn hơn tổng giá trị các nghĩa vụ được bảo đảm của 02 Hợp đồng tín dụng số 442, 345; được lập thành văn bản và có đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 23/9/2015 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Sóc Trăng theo quy định của Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên hợp pháp và có hiệu lực theo Điều 122, khoản 1 Điều 324, Điều 343 Bộ luật Dân sự 2005.

[8] Theo thỏa thuận tại Điều 4, điểm b khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2015/4932209/2015 ngày 23/9/2015 (được sửa đổi, bổ

sung theo Hợp đồng số 157/2017/4932209/HĐSĐBS ngày 13/7/2017) thì tài sản thế chấp được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H và Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp nếu bà T, ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 24, điểm e khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005.

[9] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 1.100.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu; Bị đơn phải chịu 20.005.397 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/201 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 122, khoản 1 Điều 324, Điều 343, Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ:

1/. Buộc bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H có trách trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tổng cộng là 400.134.920 đồng, gồm 340.000.000 đồng gốc, 42.193.658 đồng lãi trong hạn, 17.941.262 đồng lãi quá hạn theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 442/2015/4932209/HĐTD ngày 24/9/2015: 250.000.000 đồng gốc, 40.681.770 đồng lãi (gồm 27.067.083 đồng lãi trong hạn, 13.614.687 đồng lãi quá hạn).

- Hợp đồng tín dụng số 345/2017/4932209/HĐTD ngày 14/7/2017: 90.000.000 đồng gốc, 19.453.150 đồng lãi (gồm 15.126.575 đồng lãi trong hạn, 4.326.575 đồng lãi quá hạn).

Kể từ ngày 25/9/2019, bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2/. Trường hợp bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2015/4932209/2015 ngày 23/09/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 157/2017/4932209/HĐSĐBS ngày 13/7/2017 để thu hồi toàn bộ nợ vay.

3/. Về án phí và chi phí khác:

Bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.005.397 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.450.000 đồng theo biên lai số 0007372 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.100.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp xong tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4/. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương